

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU KHÍ NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016



Tháng 8 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bằng	Ủy viên
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hùng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Bằng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phi Hùng	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 05 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 36.08/2016/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 06 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 69.030.377.845 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 240.057.898.724 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty chưa trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 14.985.521.536 đồng. Theo đó, các chỉ tiêu dự phòng công nợ phải thu khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 bị ghi thiếu với số tiền tương ứng.

Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con với số tiền là 23.565.529.728 đồng. Theo đó, các chỉ tiêu dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, chi phí tài chính trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 bị ghi thiếu với số tiền tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài
chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01A-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		450.745.654.987	450.095.182.176
I. Tiền	110		668.377.728	4.461.791.266
1. Tiền	111	V.1	668.377.728	4.461.791.266
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		369.193.497.222	364.965.267.694
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	51.678.804.934	56.492.275.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	39.426.425.767	39.476.425.767
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		10.618.384.771	10.618.384.771
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	41.580.682.408	41.680.682.408
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	242.120.486.398	231.628.786.646
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16.231.287.056)	(14.931.287.056)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	80.336.685.537	80.243.049.173
1. Hàng tồn kho	141		80.336.685.537	80.243.049.173
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		547.094.500	425.074.043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		69.901.242	9.971.930
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		477.193.258	415.102.113
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		244.536.882.332	250.395.016.008
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		159.745.506.000	165.662.044.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	159.745.506.000	165.662.044.000
II. Tài sản cố định	220		15.009.285.947	15.718.035.463
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	14.800.329.013	15.369.773.907
- Nguyên giá	222		38.772.355.942	38.772.355.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.972.026.929)	(23.402.582.035)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	208.956.934	348.261.556
- Nguyên giá	228		1.496.038.220	1.496.038.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.287.081.286)	(1.147.776.664)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.090.113.570	1.090.113.570
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.090.113.570	1.090.113.570
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		67.256.822.975	67.256.822.975
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	55.481.927.274	55.481.927.274
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	11.774.895.701	11.774.895.701
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.435.153.840	668.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.435.153.840	668.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		695.282.537.319	700.490.198.184

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01A-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		688.045.801.074	689.825.761.830
I. Nợ ngắn hạn	310		519.776.032.832	515.639.455.588
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	144.682.630.956	144.944.326.871
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	125.112.459.232	122.302.459.232
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.645.370.023	15.182.050.177
4. Phải trả người lao động	314		7.288.499.624	7.265.418.013
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	30.132.823.964	30.132.823.964
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		10.801.668.182	10.801.668.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	85.787.005.229	79.795.692.549
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	80.004.325.031	84.843.066.009
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.321.250.591	20.371.950.591
II. Nợ dài hạn	330		168.269.768.242	174.186.306.242
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	168.269.768.242	174.186.306.242
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.236.736.245	10.664.436.354
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	7.236.736.245	10.664.436.354
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		380.952.382	380.952.382
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.453.682.587	23.453.682.587
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(240.057.898.724)	(236.630.198.615)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(236.630.198.615)	(153.543.327.694)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(3.427.700.109)	(83.086.870.921)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		695.282.537.319	700.490.198.184



Nguyễn Ngọc Bảng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 02A-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016	Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		180.080.911	34.795.109.825
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	180.080.911	34.795.109.825
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	32.478.376.203
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		180.080.911	2.316.733.622
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	908.926	4.069.446.317
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	318.288.233	11.667.225.391
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		316.804.333	11.501.719.939
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.5	3.913.483.258	5.975.648.935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.050.781.654)	(11.256.694.387)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	623.481.545	9.616.713.695
12. Chi phí khác	32		400.000	300.600
13. Lợi nhuận khác	40		623.081.545	9.616.413.095
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.427.700.109)	(1.640.281.292)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.455.677.013
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.427.700.109)	(3.095.958.305)



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 03A-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 30/06/2016 đến 01/01/2016	Từ 30/06/2015 đến 01/01/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(3.427.700.109)	(1.640.281.292)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	708.749.516	2.207.234.645
Các khoản dự phòng	03	1.300.000.000	(15.258.311.933)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(908.926)	3.737.657.373
Chi phí lãi vay	06	316.804.333	11.501.719.939
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.103.055.186)	548.018.732
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	326.217.327	(212.051.395.413)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(93.636.364)	(1.338.553.765)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	3.058.780.222	(6.711.416.189)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(827.083.152)	(738.415.190)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	202.784.937.195
Tiền lãi vay đã trả	14	(316.804.333)	(1.807.095.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.455.677.013)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.044.418.514	(20.769.597.199)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	(9.181.818.181)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(3.474.823.499)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	38.181.779.738
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(8.082.432.615)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	19.806.466.900
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	908.926	4.069.446.317
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	908.926	41.318.618.660
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.548.000.000	78.993.968.322
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.386.740.978)	(97.984.030.224)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.838.740.978)	(18.990.061.902)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.793.413.538)	1.558.959.559
Tiền đầu kỳ	60	4.461.791.266	698.943.340
Tiền cuối kỳ	70	668.377.728	2.257.902.899



Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng công ty xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với số vốn điều lệ là 218.460.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;
- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động xây lắp chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

Đối với hoạt động dịch vụ chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có 03 (ba) công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: Khối 14, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Hoạt động chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.
Giá trị đầu tư: 54.450.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 99%.
Tỷ lệ biểu quyết: 99%.
2. Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh
Địa chỉ: 415 Đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, công trình giao thông, thủy lợi, đầu tư khu đô thị
Giá trị đầu tư: 681.927.274 đồng.
Tỷ lệ lợi ích: 35,12%.
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An
Địa chỉ: 45 Đường Trần Phú, thành phố Vinh - Nghệ An
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, đầu tư khu đô thị
Giá trị đầu tư 350.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích 23,86%.
Tỷ lệ biểu quyết 51%.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có 01 công ty liên kết và 01 công ty liên doanh. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

1. Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò
Địa chỉ: 45 Đường Trần Phú, thành phố Vinh - Nghệ An
Hoạt động chính: Kinh doanh khu du lịch, nghỉ dưỡng; khách sạn; du lịch lữ hành nội địa; kinh doanh nhà hàng.
Giá trị đầu tư 1.274.875.901 đồng
Tỷ lệ lợi ích 1%.
Tỷ lệ biểu quyết 49%.
Công ty đã đóng mã số thuế và tạm ngừng hoạt động theo thông báo của Cục thuế Nghệ An.
2. Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Quang Trung
Địa chỉ: Khu A chung cư Quang Trung, Quang Trung, thành phố Vinh - Nghệ An
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, đầu tư khu đô thị
Giá trị đầu tư 10.500.019.800 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của các xí nghiệp. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi tổng hợp Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 69.702.543.845 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 238.757.898.724 đồng. Ban Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính tổng hợp được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính tổng hợp của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng. Trong kỳ Công ty cho các tổ chức cá nhân vay theo các kế ước có kỳ hạn không quá 12 tháng.

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay tổng hợp phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.